

令和 4 年 9 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	64.5 t	7.52	8.8 cm	18.9 °C	
放流水量	64.8 t	7.60	50.0 cm	18.9 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	261 KWH	4,103 KWH	6.52 t	
日平均使用量	8.4 KWH	132.4 KWH	0.21 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	ﾌﾞﾗ残渣
月計	7台: 2.01t	21台: 33.57t	27台: 16.68t	5台: 14.95t	2台: 4.88t	
前月累計	40台: 16.68t	137台: 221.13t	173台: 103.24t	32台: 103.44t	7台: 15.06t	
年度計	47台: 18.69t	158台: 254.70t	200台: 119.92t	37台: 118.39t	9台: 19.94t	

小計	
月計	62台: 72.09 t
前月累計	389台: 459.55 t
年度計	451台: 531.64 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	62台: 72.09 t
前月累計	t	389台: 459.55 t
年度計	t	451台: 531.64 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	21台	180 m <sup>3</sup>
前月累計	139台	1,149 m <sup>3</sup>
年度計	160台	1,329 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	3.79 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	83.60 t	74台	スケール分散剤	40.00 kg
5	106.51 t	98台	凝集剤 パック	150.00 kg
6	95.12 t	77台	凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
7	87.74 t	69台	固形塩素剤	3.00 kg
8	86.58 t	71台	脱水助剤 104	kg
9	72.09 t	62台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m <sup>3</sup>
			脱水ケーキ量	t
計	531.64 t	451台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇	21 °C	24 °C	16 °C
2	晴	23 °C	23 °C	15 °C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5	曇	19 °C	22 °C	10 °C
6	曇	22 °C	23 °C	18 °C
7	晴	24 °C	29 °C	19 °C
8	晴	22 °C	25 °C	11 °C
9	晴	20 °C	27 °C	11 °C
10		°C	°C	°C
11		°C	°C	°C
12	晴	23 °C	25 °C	11 °C
13	晴	21 °C	25 °C	17 °C
14	晴	18 °C	21 °C	13 °C
15	晴	16 °C	25 °C	8 °C
16	曇	16 °C	22 °C	13 °C
17		°C	°C	°C
18		°C	°C	°C
19		°C	°C	°C
20	晴/曇	14 °C	16 °C	12 °C
21	晴	11 °C	17 °C	8 °C
22	晴	13 °C	20 °C	3 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25		°C	°C	°C
26	晴	17 °C	23 °C	12 °C
27	晴	14 °C	22 °C	9 °C
28	晴	15 °C	23 °C	11 °C
29	晴	18 °C	22 °C	10 °C
30	晴	18 °C	24 °C	13 °C